

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lương Văn Đoàn.

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thị Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 50/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2025, về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp số: 05/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Chèo Cuối L, sinh năm: 1960, địa chỉ: Bản S, xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin vắng mặt.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Như T - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin vắng mặt.

+ Anh Chèo Lù C, sinh năm: 1993, địa chỉ: Bản S, xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin vắng mặt.

+ Chị Chèo Phảy N, sinh năm: 1992, địa chỉ: Bản S, xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết vụ việc, người yêu cầu là bà Chèo Cuối L trình bày:

Bà Chèo C2 Lụa là mẹ đẻ của anh Chèo Lù C. Anh Chèo Lù C, sinh ngày 06/4/1993 và chị Chèo Phảy N, sinh ngày 03/5/1992, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu, ngày 19/12/2010. Việc anh C và chị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L đã vi phạm về điều kiện kết hôn về độ tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên bà C1 Cuối Lụa yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Chèo Lù C và chị Chèo P Nhàn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2010, quyển số 01/2007, ngày 19/12/2010, của Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã L, người đại diện là ông Phan Như T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xác định việc anh Chèo Lù C và chị C1 Phảy Nhàn đăng ký kết hôn với nhau, anh, chị có đến Ủy ban nhân dân xã L Thành để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và xuất trình giấy tờ tùy thân thể hiện anh Chiêu sinh ngày 13/02/1990 nên anh C đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Tuy nhiên, đến nay các giấy tờ chứng minh nhân thân, độ tuổi của anh C đều ghi sinh ngày 06/4/1993 do vậy tại thời điểm Ủy ban nhân dân xã L Thành đăng ký kết hôn cho anh C và chị N thì anh C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với yêu cầu của bà Chèo Cuối L, Ủy ban nhân dân xã L Thành đề nghị Tòa án giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Chèo Lù C và chị Chèo P Nhàn theo đúng quy định của pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Chèo Lù C và chị Chèo Phảy N đều trình bày: Anh chị kết hôn ngày 19/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu. Khi kết hôn anh chị hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời điểm đăng ký kết hôn anh C cung cấp giấy tờ tùy

thân (ghi anh Chiêu sinh ngày 13/02/1990) là đủ tuổi kết hôn nhưng ngày tháng năm sinh chính xác của anh Chiêu sinh ngày 06/4/1993. Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Đến nay, bà C1 Cuối Lụa đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa hai anh, chị thì anh, chị đều nhất trí vì lý do anh, chị chung sống với nhau không còn hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau. Về con chung anh và chị N có 02 con chung là Chèo Duy Q, sinh ngày 13/3/2011 và Chèo Duy Đ, sinh ngày 05/11/2015. Anh C và chị N tự nguyện thỏa thuận anh C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành. Anh C không yêu cầu chị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh C và chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 9, 10, 11, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 361, 362, 366, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quy ết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà Chèo Cuối L, hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Chèo Lù C và chị Chèo P Nhàn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2010, quyền số 01/2007, ngày 19/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Chèo Lù C và chị Chèo P Nhàn về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí

giải quyết việc dân sự theo quy định theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên họp, Tòa án nhân huyện P nhận định:

[1] Bà Chèo C2 Lụa là mẹ đẻ của anh C1 Lù Chiêu nên bà Chèo Cuối L có quyền yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Chèo Lù C và chị Chèo P Nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc đăng ký kết hôn giữa anh Chèo Lù C và chị Chèo P Nhân được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên họp, người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 238, 361; 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu là bà Chèo Cuối L: Anh Chèo Lù C, sinh ngày 06/4/1993 và chị Chèo Phẫu N, sinh ngày 03/5/1992 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu ngày 19/12/2010. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh C chưa đủ 20 tuổi nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 là nam từ 20 tuổi trở lên. Vì vậy việc bà C1 Cuối Lụa yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh C và chị N theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/2010, quyển số 01/2007, ngày 19/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Chèo Phẫu N: Việc đăng ký kết hôn giữa anh C và chị N vào ngày 19/12/2010, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P vi phạm quy định về độ tuổi của anh C, ngoài ra không vi phạm các điều kiện khác về đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống anh C và chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Anh C và chị N đều xác định mâu thuẫn hiện nay giữa anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều thống nhất yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật. Việc anh C và chị N đều đề nghị Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm b, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp. Do việc kết hôn giữa anh Chèo Lù C và chị C1 Phẫu N vi phạm Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh Chèo Lù C và chị C1 Phẫu N phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh C và chị N có 02 con chung là Chèo Duy Q, sinh ngày 13/3/2011 và cháu Chèo Duy Đ, sinh ngày 05/11/2015. Anh C và chị N thỏa thuận anh C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Quá trình giải quyết việc dân sự, các cháu Chèo Duy Q và cháu Chèo Duy Đ đều trình bày nguyện vọng muốn được ở với anh Chèo Lù C.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Chèo L1 Chiêu không đề nghị chị Chèo Phẫu N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con.

Xét thấy thỏa thuận giữa anh C và chị N về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không bị pháp luật cấm, do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh C và chị N về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh C và chị N đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch quyết định của Tòa án về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Chèo Lù C và chị Chèo P Nhàn theo quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, người yêu cầu không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 366; Điều 367; Điều 369 ; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 8, Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Chèo Cuối L. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Chèo Lù C và chị Chèo P Nhàn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 04/2010, quyển số 01/2007, ngày 19/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu.

2. Về hậu quả pháp lý của việc kết hôn trái pháp luật:

- Anh Chèo Lù C và chị C1 Phây Nhàn phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh Chèo Lù C và chị C1 Phảy N có 02 con chung là Chèo Duy Q, sinh ngày 13/3/2011 và cháu Chèo Duy Đ, sinh ngày 05/11/2015.

Anh Chèo L1 Chiêu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Chèo L1 Chiêu không đề nghị chị Chèo Phảy N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch quyết định của Tòa án về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Chèo Lù C và chị Chèo P Nhân theo quy định của pháp luật.

4. Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

5. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;

- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Lân Nhì Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Văn Đoàn